

Số: 135 /BVGT-VTTBYT
V/v mời chào giá Vật tư y tế tiêu hao, y
dụng cụ, hóa chất xét nghiệm.

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 3 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Vật tư y tế tiêu hao, y dụng cụ, hóa chất xét nghiệm

Kính gửi: Các hãng sản xuất; nhà cung cấp vật tư y tế, y dụng cụ,
hóa chất xét nghiệm tại Việt Nam.

Bệnh viện Gang Thép tỉnh Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá vật
tư y tế, y dụng cụ, hóa chất xét nghiệm để tham khảo, xây dựng giá mua sắm với
nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Gang Thép
Địa chỉ: Phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Gang Thép
 - Địa chỉ: Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
 - Điện thoại: 0208.3.832.255
3. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại Phòng Vật tư – Thiết bị y tế, Bệnh viện Gang Thép
 - Nhận qua E-mail: vttbyt.bvgt@gmail.com
4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến
trước 15 giờ 00 ngày 24 tháng 3 năm 2025
Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 3
năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa : (Như phụ lục chi tiết đính kèm)
2. Địa điểm cung cấp: Kho Vật tư tiêu hao, Bệnh viện Gang Thép
Địa chỉ: Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
3. Hồ sơ báo giá bao gồm:
 - Báo giá (Như mẫu đính kèm)
 - File excel báo giá



- Tài liệu kỹ thuật liên quan đến mặt hàng chào giá.

4. Các yêu cầu báo giá:

- Giá cung ứng vật tư y tế, y dụng cụ, hóa chất xét nghiệm đã bao gồm thuế và các chi phí liên quan, đến:

Kho vật tư tiêu hao, Bệnh viện Gang Thép

Địa chỉ: Phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

- Điền đầy đủ các trường thông tin trong mẫu báo giá gửi kèm theo.

- Báo giá được ký tên người đại diện hợp pháp của hãng sản xuất/nhà cung cấp và đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác nhanh chóng và Hồ sơ báo giá đầy đủ thông tin của quý đơn vị.

Xin trân trọng cảm ơn! *vn*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng QLCL (để đăng tải trên Website bệnh viện);
- Lưu: VT-TBYT; VT. *ke*



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung





PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kính theo Công văn số 435 /BVGT-VTTBYT ngày 13/3/2025 của Bệnh viện Gang Thép)

TT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình/Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
I.	Phần I: Vật tư, hóa chất cho Mắt (10 mặt hàng)			
1	Bộ dụng cụ thông lệ đạo (gồm: que nong, que thông)			
1.1	Que nong lệ đạo số 1	Hai đầu. Size 1 & 2. Thuôn mịn và trung bình. Chiều dài tổng thể ~130 mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
1.2	Que thông lệ đạo	Chất liệu thép không gỉ. 20-175 Kích thước 0000 và 000	Cái	2
2	Cán dao mổ	Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
3	Compa mắt (Thước đo mắt)	Đo từ 0 đến 20 mm; Thang đo đọc ở cả hai mặt; Hoàn thiện đánh bóng; Tổng chiều dài ~87 mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
4	Kẹp bờ mi mắt	Kẹp mắt Berke có khoá bên, hàm có rãnh dọc, dài ~20mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	5
5	Kim thông lệ đạo	Đầu cùn, ~25G, thẳng. Chất liệu thép không gỉ, dùng trong nhãn khoa	Cái	7
6	Panh giác mạc có mẫu	Panh giác mạc ~7,5mm; Hàm góc dài; 1 X 2 răng, 0,3mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
7	Panh kéo mi mắt đơn	Vành mi đơn - 15-135 Trẻ sơ sinh 7,5 mm/ 15-136 cỡ 1 9,0 mm/ 15-137 cỡ 2 11,0 mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
8	Panh kết mạc có mẫu	1x2 răng 0,5 mm. Trục thẳng. Tay cầm răng cưa. Hoàn thiện mờ. Chiều dài tổng thể ~115 mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
9	Panh kết mạc không mẫu	Panh kết mạc; Hàm răng cưa theo chiều ngang; Có rãnh ở đầu; Cán răng cưa phẳng. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	1
10	Panh rút chỉ có mẫu	1x2 răng, 0.12mm. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2
II.	Phần Vật tư, hóa chất Răng hàm mặt (13 mặt hàng)			
11	Chất hàn tạm	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa màu trắng. Lọ ≥30g	Lọ	2
12	Chỉ co loại (Chỉ co nước)	Chỉ co nước được làm từ 100% Cotton, dùng để lấy dấu chính xác. Rất dễ đặt vào dưới nước và ổn định trong rãnh nước. Cỡ 00	Lọ	1
13	Gel bôi trơn ống tủy	Tuýp ≥ 7 gam	Tuýp	1
14	Kim bơm rửa nội nha	Kim dùng để bơm, rửa nội nha	Cái	50
15	Kính đánh chất hàn	Kính được sử dụng để đánh chất hàn	Cái	2
16	Mũi khoan chớp ngược (Màu tím)	Sử dụng trong nha khoa, Làm bằng chất liệu thép không gỉ.	Cái	10
17	Mũi khoan tròn (Màu tím)	Mũi khoan kim cương nha khoa. Lớp mạ kim cương siêu bền, tính cắt tốt.	Cái	10
18	Mũi khoan trụ dài	Sử dụng trong nha khoa, Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Vi ≥5 cái.	Cái	40
19	Thuốc diệt tủy	Thuốc diệt tủy thành phần gồm: Ephedrin, Lidocain, Camphor, Parachlorophenol. Dạng bào chế: Bột nhào nha khoa. Lọ ≥5g	Lọ	1
20	Thước đo nội nha	Chất liệu nhựa	Cái	1
21	Trâm gai trắng	Sản phẩm trâm gai nha khoa để lấy tủy răng. Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Dài 21mm	Cái	40
22	Trâm gai vàng	Sản phẩm trâm gai nha khoa để lấy tủy răng. Làm bằng chất liệu thép không gỉ. Dài 21mm	Cái	20
23	Xi măng trám răng	Lọ ≥ 15g. Tăng cường phóng thích Fluoride, vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng.	Lọ	2
III.	Phần vật tư chấn thương chỉnh hình (02 mặt hàng)			
24	Khớp háng toàn phần chuỗi dài	Bộ gồm: 1. Cuống khớp không xi măng: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI, Phủ hai lớp gồm titanium dạng xốp và phủ HA (hydroxyl apatite). Góc ≥130 độ, chiều dài cổ 42.43mm. 2. Ổ cối khớp không xi măng: Vật liệu titanium alloy TA6V ELI, phủ HA (hydroxyl apatite). Có đường kính: ≤62 mm có 5 lỗ để bắt vít. 3. Lót ổ cối: Chất liệu UHMWPE bờ chống trật khớp ~8 độ. 4. Vít ổ cối: Chất liệu titanium alloy TA6V ELI đường kính ~6.5mm dài ≤ 50 mm 5. Chỏm khớp: Đường kính 28 mm, chất liệu thép không gỉ	Bộ	2

TT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình/Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
25	Khớp háng bán phần chuỗi dài	Bộ gồm: 1. Cuồng khớp loại dài: Chất liệu hợp kim titanium TA6V ELI, phủ hai lớp gồm titanium dạng xốp và phủ HA (hydroxyl apatite) toàn bộ chuỗi. Chiều dài ~ 190-340mm. Đường cong giải phẫu của chuỗi khớp ~ 1000 mm 2. Ổ cối bán phần (Vỏ đầu chòm+ lót đầu chòm): + Vỏ đầu chòm chất liệu thép không gỉ, đường kính từ 38mm-62mm + Lót đầu chòm Vật liệu : Polyetylene cao phân tử (UHMWPE) 3. Chòm khớp: có hai loại: Đường kính 22.22 mm - 28 mm	Bộ	7
IV.	Phần vật tư, hóa chất khác (30 mặt hàng)			
26	Băng keo chỉ thị nhiệt (hấp ướt)	Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiệt trùng ướt. Kích thước: ~24mm x 55m	Cuộn	7
27	Băng thun y tế 3 móc 10cm x 4,5m	Sản phẩm được làm từ sợi cotton. Độ giãn dài tại thời điểm lực lớn nhất: $\geq 400\%$. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. Có móc cài bằng nhôm. Kích thước: $\geq 10\text{cm} \times 4,5\text{m}$	Cuộn	360
28	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W, đuôi xoáy	Cái	10
29	Bông hút	100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên, bông được tẩy trắng bằng công nghệ Hydrogen peroxide thân thiện với môi trường. sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; thấm hút tốt. Không có tạp chất. - Chất hoạt động bề mặt: $\leq 2\text{mm}$ - Tốc độ chìm: $< 8\text{s}$ - Khả năng hút nước: $> 100\text{g}$	Kg	120
30	Bơm tiểu đường 1ml	Bơm dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: $\geq 30\text{G} \times 5\text{-}8\text{mm}$ - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	300.000
31	Chỉ không tan tổng hợp polyamide 6.0 hoặc 6.6 số 6/0	Dài $\geq 75\text{m}$ kim tam giác 3/8C dài 12mm. Thành phần : Polyamide 6.0 hoặc 6.6. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Sản xuất tại Châu Âu.	Sợi	24
32	Chỉ không tan tổng hợp polyamide 6.0 hoặc 6.6 số 7/0	Dài $\geq 75\text{m}$ kim tam giác 3/8C dài 12mm. Thành phần : Polyamide 6.0 hoặc 6.6. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Sản xuất tại Châu Âu.	Sợi	24
33	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 4	Thành phần: Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 4/0, chỉ dài $\geq 70\text{ cm}$, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) hoặc tương đương phủ silicon. Tiêu chuẩn Châu Âu.	Sợi	36
34	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho máy tiệt trùng hơi nước	Chỉ thị hóa học loại 5 kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn hơi nước. Đánh giá 3 thông số: Nhiệt độ, thời gian, hơi nước. Phù hợp chương trình tiệt khuẩn $\geq 120^\circ\text{C}$. Kích thước chỉ thị: $65 * 14\text{ mm} \pm 1\text{mm}$. Có Sự đổi màu rõ ràng	Test	100
35	Đinh Kirschner	Đường kính từ 1.0 mm đến 3.0mm - hai đầu nhọn - chất liệu thép không gỉ	Cái	50
36	Gel bôi trơn	Vô khuẩn, dạng tuýp $\geq 82\text{g}$	Tuýp	90
37	Kéo cắt chỉ	Chất liệu thép không gỉ, kích thước khoảng 10cm	Cái	20
38	Kéo thẳng nhọn	Chất liệu thép không gỉ, kéo thẳng, nhọn, kích thước khoảng 16cm	Cái	15
39	Kiểm tra mắt khô Schirmer	Test đo lượng nước mắt tiết ra, có dấu màu xanh	Test	100
40	Kim chọc dò	Kim chọc dò, gây tê tùy sống mặt vát, có cánh cầm, các số.	Cái	1.400
41	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Influenza A, Influenza B	Phát hiện và phân biệt nhiễm cúm A và B trong một xét nghiệm duy nhất, mẫu ngoáy dịch mũi/ dịch hầu họng/ dịch tỵ hầu. Độ nhạy: 100.00%, Độ đặc hiệu: $\geq 99.61\%$, Độ chính xác: $\geq 99.67\%$, Độ tin cậy: $\geq 95\%$.	Test	500
42	Lọ bệnh phẩm	Lọ nhựa y tế trung tính, dung tích 50ml, nắp nhựa, có nhãn, tiệt trùng.	Cái	1.000
43	Mask thở ôxy có túi	- Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2100\text{mm}$. - Các cỡ. Tiệt trùng	Cái	100

TT	Danh mục hàng hóa	Cấu hình/Thông số kỹ thuật cơ bản	ĐVT	Số lượng
44	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn Enterobacteriaceae	Đĩa ≥90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Peptone, lactose, Bile salts, Sodium chloride, Neutral red, Crystal Violet, Agar, pH: 7.1±0.2 ở 25°C	Đĩa	200
45	Môi trường thạch chocolate có bổ sung Multivitox để nuôi cấy vi sinh vật khó mọc	Đĩa ≥90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, hỗn hợp chất tăng sinh (bao gồm Vitamin B12, L-glutamine, Adenine, Guanine, p-Aminobenzoic acid, L-cystine, NAD (Coenzyme 1), Cocarboxylase, Ferric nitrate, Thiamine, Cysteine hydrochloride), pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Đĩa	200
46	Môi trường thạch máu cừu để nuôi cấy vi sinh vật	Đĩa ≥90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Đĩa	200
47	Nhiệt ẩm kế tự ghi	Nhiệt ẩm kế có chức năng tự ghi. Phạm vi đo nhiệt độ: -30 ~ + 70 °C. Độ chính xác nhiệt độ : ± 0.5 °C. Độ ẩm: 0% ~ 100% RH. Độ chính xác của độ ẩm: ± 3% RH. Dung lượng ghi: ≥ 43.000 lượt ghi. 1 h ghi ≥ 1 lần	Chiếc	4
48	Nhiệt kế tủ bảo quản lạnh	Nhiệt kế có chức năng tự ghi. Phạm vi đo nhiệt độ: -30 ~ + 70 °C. Độ chính xác nhiệt độ : ± 0.5 °C ~ ± 1 °C. Dung lượng ghi: ≥ 32.000 lượt ghi.	Chiếc	1
49	Que nhuộm Fluorescein Sodium	Mỗi que chứa 1 mg Fluorescein sodium, được đựng riêng trong một túi vô khuẩn	Que	100
50	Que thử đường huyết	100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15% với Pp chuẩn ở nồng độ ≥100mg/dL hoặc 5.55 mmol - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (máu tĩnh mạch, máu động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thời gian đo <5 giây, Mẫu máu đo 0.6µL - Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose.	Que	13.000
51	Tai nghe tim phổi	Bộ phận khuếch đại âm thanh được làm bằng chất liệu Aluminum, mặt nghe loại 2 chiều. Chiều dài dây nghe: ~52-60cm. Ống dẫn bằng cao su dẻo, chống oxy hóa cao.	Bộ	10
52	Test chẩn đoán nhũ khoa Rose Bengal	Test chẩn đoán nhũ khoa Rose Bengal	Test	100
53	Viên nén khử khuẩn	Thành phần 50% kl/kl Troclosene sodium (Natri dichloroisocyanurate). Dạng viên nén, trọng lượng ≥ 2,5g	Viên	6.800
54	Vò bình Oxy 10 lít	- Vò bình bằng thép, hàng mới 100% đã được kiểm định đạt độ an toàn. - Thể tích vò bình: 10 lít - Áp suất nạp: 150 bar - Van bình: QF-2C	Bình	20
55	Vò bình Oxy 40 lít	- Vò bình bằng thép, hàng mới 100% đã được kiểm định đạt độ an toàn. - Thể tích vò bình: 40 lít - Áp suất nạp: 150 bar - Van bình: QF-2C	Bình	20
Tổng: 55 mặt hàng				

BÁO GIÁ

Cung cấp vật tư tiêu hao, y dụng cụ, hóa chất xét nghiệm

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Gang Thép, chúng tôi.....(Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất; nhà cung cấp) báo giá
..... như sau:

1. Báo giá cho các vật tư tiêu hao, y dụng cụ, hóa chất xét nghiệm và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Cấu hình, thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã hiệu sản phẩm	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ (Quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (VNĐ)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18=14*(15+16+17)

(Gửi kèm các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày (Ghi cụ thể số ngày, nhưng không nhỏ hơn 90 ngày), kể từ ngày... tháng ... năm (Ghi ngày... tháng ... năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục 1 – Yêu cầu báo giá)

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của Pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)